

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CAO LÃNH
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 111/2024/DS-ST
Ngày: 15-8-2024
V/v tranh chấp về hợp đồng dân
sự vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Châu Nữ Thu Hân.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Huỳnh Văn Kiều.
- Ông Nguyễn Văn Dũng.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Đặng Nam Quang - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 15 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 309/2024/TLST-DS ngày 07 tháng 06 năm 2024, về việc “Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 337/2024/QĐXXST-DS ngày 23 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Huỳnh Thị T, sinh năm 1966.

Địa chỉ: Tổ A, Ấp A, xã M, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của bà T là: Anh Châu Nhựt T1, sinh năm 1999.

Địa chỉ: Số C, đường L, Phường M, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp (Văn bản ủy quyền ngày 29/3/2024).

- **Bị đơn:** Lê Kim P, sinh năm 1965.

Địa chỉ: Số A, đường L, khóm M, phường M, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

- **Người làm chứng:** Nguyễn Thị Hồng C, sinh năm 1974.

Địa chỉ: Số A, đường P, Tổ C, khóm M, phường M, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

(Anh Châu Nhựt T2 là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn; bà Lê Kim P là bị đơn và chị Nguyễn Thị Hồng C là người làm chứng đều có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, tại phiên hoà giải và tại phiên tòa nguyên đơn bà Huỳnh Thị T (có anh Châu Nhật T2 là người đại diện theo uỷ quyền) trình bày:

Do có mối quan hệ quen biết nên bà T có cho bà Lê Kim P vay số tiền 130.000.000 đồng (một trăm ba mươi triệu đồng), thỏa thuận miệng lãi suất theo quy định nhà nước (0,83%/tháng), thời hạn vay không xác định, khi bà T có nhu cầu thì bà P sẽ trả lại cho bà T, hai bên có làm Biên nhận mượn tiền do bà P viết, ký tên và ghi họ tên, cụ thể tại các Biên nhận sau: Biên nhận ngày 16/6/2020, bà P vay số tiền là 30.000.000 đồng và Biên nhận ngày 21/7/2020, bà P vay tiếp số tiền là 100.000.000 đồng.

Tuy nhiên, đến khi bà T cần tiền và có yêu cầu bà P trả tiền cho bà T thì bà P cứ hẹn lần, hẹn lượt. Đến nay, mặc dù bà T đã nhiều lần nhắc nhở, yêu cầu bà P trả lại số tiền vay gốc 130.000.000 đồng nhưng bà P vẫn cứ cố tình tránh né, không chịu trả nợ cho bà T. Mặt khác, từ khi vay tiền cho đến nay thì bà P cũng không đóng lãi cho bà T theo thỏa thuận giữa hai bên.

Tính đến ngày 02/4/2024 thì bà Lê Kim P còn nợ bà T số tiền vay gốc là 130.000.000 đồng (một trăm ba mươi triệu đồng). Do đó, nay bà T yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh giải quyết buộc bà Lê Kim P trả cho bà T số tiền vay gốc còn nợ là 130.000.000 đồng (một trăm ba mươi triệu đồng). Bà T không yêu cầu tính lãi từ khi vi phạm nghĩa vụ trả nợ đến thời điểm có đơn yêu cầu thi hành án mà chỉ tính lãi kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi trả xong nợ theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự.

- Bị đơn bà Lê Kim P trình bày:

Bà T yêu cầu bà P trả số tiền 130.000.000 đồng là không đúng vì:

Đối với số tiền 30.000.000 đồng của biên nhận ngày 16/6/2020 là bà Phi m dùm cho bà H vào năm 2018, lãi suất 5.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày nhưng bà P là người nhận trực tiếp số tiền 30.000.000 đồng từ bà T. Bà P đã trả góp cho bà T trong vòng 35 ngày, mỗi ngày 1.000.000 đồng và cứ 05 ngày mới phải trả một lần gốc và lãi là 5.000.000 đồng, bà P đã trả xong gốc và lãi của số tiền 30.000.000 đồng cho bà T. Tại kỳ trả nợ cuối, bà P có điện thoại cho bà T đề yêu cầu xóa biên nhận ngày 16/6/2020, bà T đã công nhận là bà P đã trả xong. Tuy nhiên, việc bà P gọi điện thoại cho bà T để xác nhận đã trả xong nợ thì bà P không có chứng cứ chứng minh và khi bà T nhận tiền góp cũng không có biên nhận.

Đối với số tiền 100.000.000 đồng của biên nhận ngày 21/7/2020 là bà Phi m dùm cho bà Nguyễn Thị Hồng C vào năm 2018, lãi suất 5.000 đồng/1.000.000 đồng. Số tiền 100.000.000 đồng bà C đã góp được 40.000.000 đồng trong đó có gốc và lãi còn lại là 60.000.000 đồng tiền gốc. Bà P thừa nhận biên nhận ngày 21/7/2020 là chữ viết và chữ ký của bà P. Do đó, người trả nợ cho bà T phải là bà Nguyễn Thị Hồng C.

Khi bà P vay tiền giùm cho bà H, bà C thì giữa bà P và bà T có thoả thuận miệng bà T sẽ trả tiền hoa hồng cho bà P. Khi bà T cho vay tiền lãi là 5.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày thì bà T sẽ chi tiền hoa hồng bà P số tiền 2.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày. Cả hai khoản tiền tổng cộng là 130.000.000 đồng do bà T đưa tiền cho bà P trực tiếp tại nhà bà T và yêu cầu bà P viết biên nhận và ký tên vì bà T không biết bà H và bà C. Nay bà P không đồng ý trả số tiền 130.000.000 đồng cho bà T.

Để chứng minh cho lời trình bày của bà P thì bà P có yêu cầu bà T trình bày lời khai để làm chứng, đối với bà H do bà H đã trả tiền xong cho bà P nên bà H cho rằng không liên quan đến bà H và không đồng ý làm chứng cho bà P nên bà H không đến Tòa án làm chứng cho bà P. Trong vụ án này, bà P không khởi kiện yêu cầu bà C trả tiền cho bà P cũng như không yêu cầu, khởi kiện đối với người khác.

Các đương sự thống nhất xác định đối với biên nhận ngày 21/7/2020, số tiền 100.000.000 đồng nhưng tại dòng đầu của biên nhận có ghi nội dung: “Hôm nay là ngày 22/7/2020...” là do ghi nhầm, ngày vay thực chất là ngày 21/7/2020 nên trước khi bà P ký tên có ghi ngày khi vay là 21/7/2020.

- Người làm chứng bà Nguyễn Thị Hồng C trình bày:

Năm 2018, bà C có vay của bà P số tiền 100.000.000 đồng, lãi suất 10.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày, trả góp gốc và lãi cho bà P. Hiện đã trả được số tiền gốc 70.000.000 đồng, mỗi lần góp tiền cho bà P thì bà P đều có ghi vào sổ do bà Phi giữ nhưng khi bà C hỏi về sổ thì bà P nói không còn sổ sách. Hiện bà C chỉ còn nợ bà P 30.000.000 đồng. Do hoàn cảnh khó khăn nên không tiếp tục trả nợ, bà C sẽ tự thương lượng, giải quyết với bà P theo phương thức trả dần. Bà C không có vay tiền của bà T, cũng không có nhờ bà P vay nợ giùm và đối với các khoản vay mà nguyên đơn khởi kiện bà P thì bà C cũng không biết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Căn cứ theo đơn khởi kiện của bà Huỳnh Thị T và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Bị đơn bà Lê Kim P có địa chỉ tại số nhà A, đường L, Phường M, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Bà Huỳnh Thị T yêu cầu bà Lê Kim P trả số tiền 130.000.000 đồng, không yêu cầu trả tiền lãi.

[3.1] Về tiền gốc: Căn cứ vào các biên nhận ngày 16/6/2020, số tiền 30.000.000 đồng và biên nhận ngày 21/7/2020, số tiền 100.000.000 đồng thể hiện đây là hợp đồng vay không xác định thời hạn, người vay (mượn) tiền của bà Huỳnh Thị T là bà Lê Kim P. Điều này cũng được bà P thừa nhận, bà P là người nhận số tiền tổng cộng là 130.000.000 đồng và cũng là người thực hiện việc trả tiền theo hình thức trả góp cho bà T. Tuy nhiên, bà P cho rằng các khoản vay này bà P vay giùm cho người khác là bà H và bà C. Trong khi đó, bà C lại xác định bà C chỉ vay tiền của bà P, không nhờ bà P vay giùm. Do đó, lời trình bày về việc vay giùm của bà P là không có căn cứ. Hơn nữa, dù cho bà C, bà H xác định bà P vay tiền giúp cho họ thì cũng không loại trừ trách nhiệm trả nợ của bà P đối với bà T được vì rằng người vay tiền của bà T là bà P nên bà P vẫn phải có nghĩa vụ trả nợ cho bà T, bà T không đồng ý việc bà P chuyển giao nghĩa vụ trả nợ của bà P cho người khác, còn việc bà P cho bà C, bà H vay lại hay vay giùm họ hay sử dụng vào mục đích hợp pháp khác chỉ là cách thức sử dụng tài sản vay. Đối với lời trình bày của bà P về việc bà P đã trả góp xong cho bà T khoản nợ 30.000.000 đồng của biên nhận ngày 16/6/2020 nhưng bà T không thừa nhận và bà P cũng không có chứng cứ chứng minh nên lời trình bày này của bà P không có cơ sở chấp nhận. Do đó, căn cứ vào các Điều 91, Điều 92, Điều 93 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 463, Điều 466, Điều 469 của Bộ luật Dân sự, bà P phải có trách nhiệm trả cho bà T số tiền nợ gốc 130.000.000 đồng.

[3.2] Về tiền lãi: Theo các biên nhận ngày 16/6/2020 và biên nhận ngày 21/7/2020 thì không thể hiện lãi suất nhưng các bên xác định các khoản vay này đều có lãi và đưa ra mức lãi suất khác nhau nên lãi suất được áp dụng là 10%/năm, tính từ ngày tiếp theo liền kề của ngày hết thời gian hợp lý. Tuy nhiên, nguyên đơn tự nguyện không yêu cầu phía bị đơn phải trả tiền lãi từ khi vi phạm nghĩa vụ trả nợ đến thời điểm có đơn yêu cầu thi hành án mà chỉ tính lãi kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi trả xong nợ theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự là có lợi cho bị đơn và phù hợp với quy định tại Điều 5 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm nên chấp nhận sự tự nguyện này.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận.

[4] Đối với việc vay tiền giữa bà P và bà C do trong vụ án này không có đương sự nào khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết, họ muốn tự thương lượng nên không xem xét giải quyết theo quy định tại Điều 5 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nếu có tranh chấp thì sẽ được giải quyết trong vụ án khác khi có yêu cầu.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên nguyên đơn không phải chịu án phí và bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm, nguy theo quy định tại khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày

30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 5, khoản 3 Điều 26; Điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39 ; Điều 91, Điều 92, Điều 93 và Khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468 và Điều 469 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị T về việc yêu cầu bà Lê Kim P trả cho bà Huỳnh Thị T số tiền nợ gốc là 130.000.000 đồng (một trăm ba mươi triệu đồng).

Buộc bà Lê Kim P trả cho bà Huỳnh Thị T số tiền nợ gốc là 130.000.000 đồng (một trăm ba mươi triệu đồng).

Ghi nhận sự tự nguyện của bà Huỳnh Thị T về việc không yêu cầu bà Lê Kim P phải trả tiền lãi từ khi vi phạm nghĩa vụ cho đến thời điểm có đơn yêu cầu thi hành án.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Lê Kim P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 6.500.000 đồng (sáu triệu năm trăm nghìn đồng).

Bà Huỳnh Thị T được nhận lại số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 3.250.000 đồng (ba triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số 0009855 ngày 06 tháng 6 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

3. Quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự

nguyên thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TPCL;
- TAND Tỉnh ĐT;
- CCTHADS TPCL
(khi án có hiệu lực pháp luật);
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Châu Nữ Thu Hân